TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2019/HNGĐ - ST
Ngày 08 – 10 - 2019
V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Hoàng Tỷ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Lịnh.

Ông Phạm Văn Tuấn

- Thư ký phiên toà: Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Toà án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 08 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 236/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2019 về tranh chấp hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 83/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Trần Hồng T, sinh năm 1968; cư trú tại Ấp T, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn*: Anh Trương Văn T, sinh năm 1964; cư trú tại ấp R, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải ngày 11 tháng 9 năm 2019 chị Trần Hồng T trình bày: Chị và anh Trương Văn T tự nguyện chung sống với nhau năm 1988 trên tinh thần tự nguyện có đăng ký kết hôn với nhau, tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc, chị đã đi trích lục lại nhưng không được do đó

không cung cấp được cho Tòa án. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, thời gian gần đây vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn chủ yếu là do bất đồng quan điểm, không quan tâm thương yêu lẫn nhau. Hiện nay chị và anh T đã ly thân với nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn với anh Trương Văn T.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Thanh T, sinh năm 1989 và Trương Thành L, sinh năm 1991. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản hòa giải ngày 11 tháng 9 năm 2019 anh Trương Văn T trình bày: Anh và chị Trần Hồng T sống chung với nhau năm 1988, có đăng ký kết hôn tuy nhiên hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã thất lạc, không cung cấp được cho Tòa án. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường hay cự cãi với nhau, không còn sự quan tâm thương yêu chăm sóc lẫn nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Xét thấy hôn nhân không còn hạnh phúc nên anh đồng ý ly hôn với chị Trần Hồng T.

Về con chung: Anh và chị T có hai người con chung tên Trương Thanh T, sinh năm 1989 và Trương Thành L, sinh năm 1991. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ thu, nợ trả: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019 anh Trương Văn T có đơn xin vắng mặt, anh xác định hiện nay vì điều kiện công việc nên anh đề nghị xin Tòa án được vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, anh vẫn bảo lưu ý kiến đã trình bày và không khiếu nại về việc vắng mặt của mình.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị Trần Hồng T có mặt vẫn bảo lưu quan điểm không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Trần Hồng T và bị đơn anh Trương Văn T Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển thụ lý giải quyết là

đúng theo thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Anh Trương Văn T có đơn đề nghị vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xử vắng mặt anh Trương Văn Ten tại phiên tòa.

[3] Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Hồng T và anh Trương Văn T được xác lập trên tinh thần tự nguyện, chị T và anh T đều khai nhận có đăng ký kết hôn theo luật định, tuy nhiên từ khi thụ lý vụ án đến nay chị T và anh T không cung cấp được giấy tờ chứng minh việc anh chị có đăng ký kết hôn theo luật định. Trong cuộc sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn mặt dù đã được hàn gắn nhưng không có kết quả, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Nay chị Trần Hồng T yêu cầu ly hôn anh Trương Văn T đồng ý ly hôn. Do đó, không công nhận chị Trần Hồng T và anh Trương Văn T là vợ chồng theo khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Thanh T, sinh năm 1989 và Trương Thành L, sinh năm 1991. Hiện nay hai con đã trưỡng thành nên không yêu cầu giải quyết.

[5] Về tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Chị Trần Hồng T và anh Trương Văn T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Trần Hồng T phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng được chuyển thu.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Trương Văn T tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 1 Điều 14, khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng

12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử:

Không công nhận chị Trần Hồng T và anh Trương Văn T là vợ chồng.

Về con chung: Có hai người con chung tên Trương Thanh T, sinh năm 1989 và Trương Thành L, sinh năm 1991. Hiện nay hai con đã trưởng thành nên không đặc ra xem xét giải quyết.

Tài sản chung; nợ thu; nợ trả: Chị Trần Hồng T và anh Trương Văn T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm chị Trần Hồng Th phải nộp 300.000 đồng. Chị T đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005876 ngày 21/8/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Hoàng Tỷ